

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TỊNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án  
số: 27/2023/HS-ST  
Ngày: 30 - 5 - 2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phí Thị Phương Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* bà Nguyễn Thị Mai; ông Lê Văn Hoàng.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

**Phạm Mai Nhật T**, sinh ngày 20/10/1987 tại An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: **số D, tổ C, khóm B, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang**; nghề nghiệp: cán bộ **Ủy ban nhân dân xã N**; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Minh K**, sinh năm 1964 và bà **Mai Thu C**, sinh năm 1962; có vợ là **Trần Lý Quỳnh A**, sinh năm 1994 và có một con là **Phạm Trần Tuệ M**, sinh năm 2009; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ nhất. Ngày 10/5/2023, **Thị ủy T4** ra Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng đối với **Phạm Mai Nhật T**.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà **Đỗ Kim T1**, sinh năm 1996, nơi cư trú: **khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

- Bà **Trần Thị Kim N**, sinh năm 1985, nơi cư trú: **số F, đường C, khóm C, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang**; có mặt.

- Bà **Trần Thị Cẩm L**, sinh năm 1982, nơi cư trú: **tổ H, khóm N, phường**

N, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt.

- Ông Thiều Quang D, sinh năm 1969, nơi cư trú: tổ B, ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1979, nơi cư trú: tổ B, ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Lâm Thị Thùy L1, sinh năm 1993, nơi cư trú: khóm T, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1976, nơi cư trú: tổ F, ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Trần Hoài T2, sinh năm 1990, nơi cư trú: tổ G, khóm H, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt.

- Ông Trần Hoàng D1, sinh năm 1993, nơi cư trú: ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Trần Bá P, sinh năm 1968, nơi cư trú: tổ A, khóm B, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt.

- Bà Châu Kim Y, sinh năm 1966, nơi cư trú: tổ A, khóm S, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Trịnh Văn M1, sinh năm 1984, nơi cư trú: ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Lê Thị Cẩm N2, sinh năm 1993, nơi cư trú: tổ H, khóm M, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980, nơi cư trú: tổ B, khóm B, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt.

- Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1973, nơi cư trú: tổ A, khóm S, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Phan Quang D2, sinh năm 1972, nơi cư trú: tổ B, khóm N, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Lê Minh C1, sinh năm 1958, nơi cư trú: tổ E, khóm V, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 5/2016 đến năm 2022, Phạm Mai Nhật T công tác tại Văn phòng Đảng ủy xã N, từ năm 2018 đến năm 2022 giữ chức vụ Đảng ủy viên Văn phòng Đảng ủy xã N, huyện T (nay là Đảng ủy phường N, thị xã T). Năm 2018, T tiếp nhận hồ sơ chuyển đảng chính thức cho 02 đảng viên thuộc Đảng ủy xã N, huyện T gồm Trần Thị Kim N và Trần Thị Cẩm L nhưng T chưa làm thủ tục



chuyển đến Ban T4 (nay là Ban T4) để ra Quyết định công nhận đảng viên chính thức cho 02 đảng viên trên.

Đến khoảng tháng 5/2018, N, L hỏi T lý do chưa có Quyết định công nhận đảng viên chính thức thì T mới nhớ là chưa làm thủ tục chuyển đến Ban tổ chức Huyện ủy Tịnh Biên để công nhận đảng viên chính thức cho N, L. Lo sợ bị kỷ luật vì bỏ bê công tác, để trễ hồ sơ công nhận đảng viên chính thức kéo dài, muốn Đảng ủy xã N đánh giá T luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, nâng cao uy tín để được bầu vào Ban chấp hành Đảng bộ xã N và được xét đi học nên T tự ý scan Quyết định công nhận đảng viên thành file mẫu rồi sử dụng máy tính laptop cá nhân để chỉnh sửa thông tin các đảng viên trên file mẫu và sử dụng máy in màu để in làm giả 02 Quyết định công nhận đảng viên chính thức. Làm xong, T giao quyết định cho N, L và kêu N, L mang về nhà cất giữ.

Năm 2020, T nhận hồ sơ chuyển đảng chính thức của Đỗ Kim T1 nhưng không làm thủ tục chuyển đến Ban tổ chức Huyện ủy Tịnh Biên để trễ hạn một năm do chưa học lớp đảng viên chính thức. Đến năm 2021, hồ sơ được bổ sung đầy đủ và T1 chuyển công tác, do sợ không chuyển hồ sơ chuyển đảng chính thức kịp thời cho T1 kịp nên T tiếp tục làm giả Quyết định công nhận đảng viên chính thức cho T1 và đưa cho T1 cùng với hồ sơ chuyển sinh hoạt đảng.

Năm 2022, Ban tổ chức Huyện ủy Tịnh Biên tiến hành rà soát hồ sơ đề nghị chuyển đảng chính thức của đảng viên xã N phát hiện T đã làm giả Quyết định công nhận đảng viên chính thức cho N, L và T1 nên kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T xử lý đối với hành vi của Phạm Mai Nhật T.

Vật chứng thu giữ gồm có: 01 giấy Quyết định công nhận đảng viên chính thức Mẫu số 16-KND, số 31-QĐ/HU, ngày 14/12/2020 tên Đỗ Kim T1; 01 giấy Quyết định công nhận đảng viên chính thức Mẫu 16-KND, số 358-QĐ/HU, ngày 03/5/2018 tên Trần Thị Cẩm L; 01 giấy Quyết định công nhận đảng viên chính thức Mẫu 16-KND, số 359-QĐ/HU, ngày 03/5/2018 tên Trần Thị Kim N; 01 máy in màu, màu đen hiệu Epson; 01 máy scan hiệu HP Scanjet 200 và 01 laptop nhãn hiệu Dell Vostro 1014.

Tại Bản kết luận giám định số 55/KL-KTHS(TL-GT) ngày 22/5/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh A kết luận:

- 03 phôi giấy Quyết định công nhận đảng viên chính thức số 31-QĐ/HU ngày 14/12/2020, số 358-QĐ/HU và số 359-QĐ/HU cùng ngày 03/5/2018 (ký hiệu A1 đến A) là phôi giấy giả.

- Hình dấu tròn và chữ ký mang tên Bùi Thiện T3, Trình Lam S1 trên 03 Quyết định công nhận đảng viên chính thức số 31-QĐ/HU ngày 14/12/2020, số 358-QĐ/HU và số 359-QĐ/HU cùng ngày 03/5/2018 được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

Tại Bản kết luận giám định số 123/KL-KTHS (KTSĐT-GT) ngày 30/6/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh A kết luận: tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong



01 laptop nhãn hiệu Dell có số seri: 14NGYL1 (ký hiệu A) do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T gửi giám định, chi tiết thể hiện trong Phụ lục và đĩa DVD dữ liệu trích xuất kèm theo. Kèm theo kết luận giám định: 01 Phụ lục gồm 52 trang A4 và 01 đĩa DVD có tổng dung lượng dữ liệu 3,16GB.

Tại Cáo trạng số 28/CT-VKSTB-HS ngày 20/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên đã truy tố Phạm Mai Nhật T về tội “Giả mạo trong công tác” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm bị cáo Phạm Mai Nhật T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Thị Kim N, Trần Thị Cẩm L, Trần Hoài T2, Trần Bá P, Nguyễn Thị H có lời khai phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu và có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đỗ Kim T1, Thiệu Quang D, Nguyễn Văn N1, Lâm Thị Thùy L1, Nguyễn Thanh S, Trần Hoàng D1, Châu Kim Y, Trịnh Văn M1, Lê Thị Cẩm N2, Nguyễn Văn K1, Phan Quang D2, Lê Minh C1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu (bút lục 262-266, 278-295, 299-302, 307-317, 320-325).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 359; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Mai Nhật T từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 máy in màu, 01 máy scan, 01 máy laptop là công cụ, phương tiện được bị cáo dùng vào việc phạm tội; lưu trữ hồ sơ vụ án 03 Quyết định công nhận đảng viên chính thức của Đỗ Kim T1, Trần Thị Cẩm L, Trần Thị Kim N. Kiến nghị Đảng ủy phường N, thị xã T rà soát, đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, cấp Quyết định công nhận đảng viên chính thức cho các đảng viên Trần Thị Cẩm L, Trần Thị Kim N, Đỗ Kim T1, Châu Kim Y, Trần Hoài T2, Lâm Thị Thùy L1, Trần Hoàng D1 và Lê Thị Cẩm N2 theo quy định.

Bị cáo xin lỗi những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa, không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên; lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**



Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đối với hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra **C** (nay là thị xã) Tịnh Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên, Kiểm sát viên được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án **Đỗ Kim T1, Thiều Quang D, Nguyễn Văn N1, Lâm Thị Thùy L1, Nguyễn Thanh S, Trần Hoàng D1, Châu Kim Y, Trịnh Văn M1, Lê Thị Cẩm N2, Nguyễn Văn K1, Phan Quang D2, Lê Minh C1** vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình điều tra, những người vắng mặt đã có lời khai rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[3] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo **Phạm Mai Nhật T** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra; phù hợp với Bản kết luận giám định số 55/KL-KTHS(TL-GT) ngày 22/5/2022 của **Phòng K2 Công an tỉnh A** cùng các vật chứng đã thu giữ, các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở để kết luận:

Từ tháng 5/2016 đến năm 2022, **Phạm Mai Nhật T** công tác tại Văn phòng Đảng ủy **xã N**, từ năm 2018 đến năm 2022 giữ chức vụ Đảng ủy viên Văn phòng Đảng ủy **xã N, huyện T** (nay là Đảng ủy **phường N, thị xã T**) được giao nhiệm vụ tiếp nhận, thực hiện thủ tục chuyển đến Ban Tổ chức Huyện ủy Tịnh Biên để ra Quyết định công nhận đảng viên chính thức cho đảng viên. Do động cơ cá nhân vì quên chưa làm thủ tục chuyển đến **Ban T4** (nay là **Ban T4**), sợ bị kiểm điểm, kỷ luật, đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ, bị giảm uy tín, bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao thực hiện hành vi làm, cấp giả 03 Quyết định công nhận đảng viên chính thức bằng phương thức dùng phôi giấy giả, in phun màu, cụ thể: tháng 5/2018, làm, cấp giả 02 Quyết định công nhận đảng viên chính thức của **Trần Thị Cẩm L** và **Trần Thị Kim N**; đến năm 2021 làm, cấp giả 01 Quyết định công nhận đảng viên chính thức của **Đỗ Kim T1**. Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo đã phạm tội “Giả mạo trong công tác”, tội phạm và



hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 03 đến 10 năm tù (tội phạm rất nghiêm trọng).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức Nhà nước; làm ảnh hưởng đến uy tín, giảm lòng tin của nhân dân vào bộ máy Nhà nước. Do vậy, cần xử lý nghiêm mới đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo **Phạm Mai Nhật T** là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi làm, cấp giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức Nhà nước là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích động cơ cá nhân. Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là lao động chính trong gia đình, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phải chịu tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng. Do đó, việc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội là cần thiết, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo. Mức hình phạt tù có thời hạn mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra, đề nghị này được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 359 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội vì động cơ cá nhân (không vì vụ lợi), hiện đã bị **Ủy ban nhân dân phường N, thị xã T** cho thôi việc nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Đối với việc bị cáo khai nhận làm giả 05 Quyết định công nhận đảng viên chính thức của **Châu Kim Y, Trần Hoài T2, Lâm Thị Thùy L1, Trần Hoàng D1** và **Lê Thị Cẩm N2**; do 05 Quyết định công nhận đảng viên chính thức này



không thu giữ được để giám định, ngoài lời khai của bị cáo không còn tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo làm giả 05 quyết định của Y, T2, L1, D1 và N2 là có căn cứ.

Đối với các ông, bà Phan Quang D2, Nguyễn Thanh S, Lê Minh C1, Châu Kim Y, Trần Hoài T2, Trần Thị Kim N, Trần Thị Cẩm L, Lâm Thị Thùy L1, Trần Hoàng D1, Lê Thị Cẩm N2, Đỗ Kim T1 không biết việc bị cáo làm giả các Quyết định công nhận đảng viên chính thức nên Cơ quan điều tra không quy kết trách nhiệm đối với các ông, bà D2, S, C1, Y, T2, N, L, L1, D1, N2, T1 là có căn cứ.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: đối với 01 máy in màu, 01 máy scan và 01 máy laptop là tài sản của bị cáo được bị cáo sử dụng để làm giả các Quyết định công nhận đảng viên chính thức nên xác định đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

[9] Về kiến nghị khắc phục vi phạm: kiến nghị Đảng ủy phường N (trước đây là xã N) kiểm tra, rà soát đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, cấp Quyết định công nhận đảng viên chính thức cho các đảng viên Trần Thị Cẩm L, Trần Thị Kim N, Đỗ Kim T1, Châu Kim Y, Trần Hoài T2, Lâm Thị Thùy L1, Trần Hoàng D1 và Lê Thị Cẩm N2 theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 359; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Phạm Mai Nhật T phạm tội “Giả mạo trong công tác”;

Xử phạt: Phạm Mai Nhật T 03 (ba) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bắt chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) máy in màu, màu đen hiệu EPSON; 01 (một) máy scan hiệu HP Scanjet 200; 01 (một) máy laptop nhãn hiệu Dell Vostro 1014, đã niêm phong vụ: 123/KL-KTHS (KTSĐT-GT) ngày 30/6/2022.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18 tháng 5 năm 2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Mai Nhật T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Phạm Mai Nhật T, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Thị Kim N, Trần Thị Cẩm L, Trần Hoài T2, Trần Bá P, Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đỗ Kim T1, Thiều Quang D, Nguyễn Văn N1, Lâm Thị Thùy L1, Nguyễn Thanh S, Trần Hoàng D1, Châu Kim Y, Trịnh Văn M1, Lê Thị Cẩm N2, Nguyễn Văn K1, Phan Quang D2, Lê Minh C1 vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Về kiến nghị khắc phục vi phạm: kiến nghị Đảng ủy phường N (trước đây là xã N), thị xã T kiểm tra, rà soát đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, cấp Quyết định công nhận đảng viên chính thức cho các đảng viên Trần Thị Cẩm L, Trần Thị Kim N, Đỗ Kim T1, Châu Kim Y, Trần Hoài T2, Lâm Thị Thùy L1, Trần Hoàng D1 và Lê Thị Cẩm N2 theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.



**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- VKSND thị xã Tịnh Biên (2);
- Cơ quan CSĐT - Công an TX. Tịnh Biên (1);
- Nhà tạm giữ - Công an TX. Tịnh Biên (2);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Phòng hồ sơ (1);
- Đảng ủy phường Núi Voi, thị xã Tịnh Biên;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Phí Thị Phương Nhung**